

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 16/2024/DS-PT
Ngày 09 – 01– 2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Lập

Các Thẩm phán: Ông Đặng Minh Trung

Bà Đinh Cẩm Đào

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Như Nguyễn - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Điện – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 433/2023/TLPT-DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 225/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 299/2023/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Xuân L, sinh năm 1975 (Có mặt);

Địa chỉ cư trú: Khu tái định cư, khóm 4, phường 4, thành phố C, tỉnh C.

- Bị đơn:

1. Ông Lê Quốc K1, sinh năm 1978;

2. Bà Mã Thị Bích T, sinh năm 1977;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 96, đường Bùi Thị Trường, khóm 4, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp theo uỷ quyền của ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T: Ông Phạm Xuân K2, sinh năm 1977; địa chỉ cư trú: Số 07A, đường 3/2, khóm 5, phường 5, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau (Có mặt).

- Người kháng cáo: Ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T, là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo bà Phạm Xuân L trình bày:

Ngày 27/12/2020, bà L có cho vợ chồng ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T vay số tiền 400.000.000 đồng, thời hạn vay 01 tháng, lãi suất thoả thuận

8.000.000 đồng/tháng, ông K1 có viết biên nhận nợ; tuy nhiên, biên nhận không ghi lãi suất, không ghi thời hạn vay.

Đến hạn thanh toán, ông K1 và bà T không thanh toán theo thoả thuận mà cứ hứa hẹn. Từ khi vay đến nay, ông K1 và bà T có thanh toán lãi cho bà tổng số tiền 127.000.000 đồng. Do đó, bà L khởi kiện yêu cầu ông K1 và bà T liên đới thanh toán cho bà số tiền vốn 400.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 27/12/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 13/9/2023) theo mức lãi suất 20%/năm, đối trừ với số tiền lãi ông K1 và bà T đã thanh toán 127.000.000 đồng. Tại phiên tòa sơ thẩm, bà L chỉ yêu cầu ông K1 và bà T thanh toán cho bà tiền lãi thêm 66.000.000 đồng lãi, tổng cộng vốn, lãi là 466.000.000 đồng.

- Theo ông Phạm Xuân K2 là đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T trình bày:

Ông K1 thừa nhận ngày 27/12/2020 ông K1 có vay của bà Phạm Xuân L số tiền 400.000.000 đồng, không có thoả thuận lãi suất, thời hạn vay 02 tháng. Ông K1 có viết biên nhận nợ cho bà L, biên nhận cũng không ghi lãi suất. Ông K1 đã thanh toán lãi cho bà L được 127.000.000 đồng, chưa trả vốn. Khoản nợ trên là nợ riêng của ông K1 nên ông K1 nhận trách nhiệm thanh toán cho bà L. Do ông K1 và bà L có tranh chấp về lãi suất nên ông K1 chỉ đồng ý thanh toán lãi theo mức lãi suất 10%/năm. Số tiền ông K1 chuyển khoản để thanh toán cho bà L đã vượt quá số tiền lãi phải thanh toán nhưng ông K1 không yêu cầu đối trừ vào tiền vốn vay. Ông K1 chỉ đồng ý thanh toán cho bà L 400.000.000 đồng tiền vốn, không đồng ý trả lãi.

Khi ông K1 vay tiền của bà L thì ông K1, bà L cũng không ai cho bà T biết. Ông K1 vay tiền của bà L để ông K1 sử dụng vào mục đích cá nhân. Ông K1 và bà T đã ly hôn, bà T cũng đã lập Vi bằng nói rõ bà T và ông K1 có thoả thuận sẽ giao tài sản và nợ cho ông K1 quản lý và chịu trách nhiệm thanh toán với chủ nợ. Do đó bà T không đồng ý liên đới thanh toán nợ theo yêu cầu của bà L.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 225/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Xuân L. Buộc ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T liên đới thanh toán cho bà Phạm Xuân L số tiền 466.000.000 đồng.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm trả, án phí và quyền kháng của đương sự.

Ngày 28/9/2023, ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T có đơn kháng cáo. Ông K1 yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, điều chỉnh mức lãi suất 10%/năm đối với khoản vay của bà L, chỉ buộc ông K1 trả nợ cho bà L. Bà T yêu cầu sửa bản án sơ thẩm, chỉ buộc ông K1 thanh toán toàn bộ số tiền nợ của bà L.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Phạm Xuân K2 giữ nguyên kháng cáo của ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T.

Phản tranh luận tại phiên tòa:

Ông K2 phát biểu: Ông K1 vay tiền của bà L là để phục vụ cho cá nhân ông K1, bà T không biết việc ông K1 vay tiền của bà L. Ông K1 và bà T hiện nay đã ly

hôn và có thỏa thuận giao tài sản cho ông K1, ông K1 chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ. Ông K1 đồng ý chịu trách nhiệm trả nợ cho bà L, nhưng yêu cầu điều chỉnh theo mức lãi suất 10%/năm, đối trừ với số tiền lãi ông K1 đã thanh toán, nếu còn thừa trừ vào số tiền vốn; yêu cầu không buộc bà T liên đới với ông K1 trả nợ cho bà L.

Bà L phát biểu: Ông K1 và bà L vay tiền để sử dụng và mục đích chung của gia đình, nên đại diện của bị đơn cho rằng đây là nợ riêng của ông K1, bà T không liên quan là không đúng. Bà L không đồng ý với ý kiến tranh luận của đại diện bị đơn, yêu cầu giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong quá trình giải quyết vụ án, của Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng tại phiên tòa đúng quy định pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Xét kháng cáo của ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Đối với kháng cáo của ông K1 yêu cầu điều chỉnh mức lãi suất đối với khoản tiền vay 400.000.000 đồng của bà Phạm Xuân L theo mức lãi suất 10%/năm:

Việc ông K1 trực tiếp vay của bà L số tiền 400.000.000 đồng là có thực tế, được ông K1 thừa nhận. Ông Phạm Xuân K2 là người đại diện của ông K1 cho rằng khi vay không thỏa thuận cụ thể mức lãi suất nên chỉ đồng ý thanh toán lãi với mức lãi suất 10%/năm, ông K1 đã thanh toán cho bà L số tiền lãi vượt hơn số tiền lãi theo mức lãi suất 10%/năm, nên chỉ đồng ý trả cho bà L số tiền nợ gốc 400.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà L xác định việc cho vay có thỏa thuận mức lãi suất là 2%/tháng, nhưng chỉ thỏa thuận bằng lời nói chứ không có ghi trong giấy biên nhận nợ. Tại Biên bản ghi lời khai ông K1 ngày 20/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau, ông K1 trình bày mức lãi suất thỏa thuận khi vay tiền bà L là 5%/tháng. Tại Bản tự khai ngày 12/7/2023, ông K2 trình bày: Ngày 27/12/2023, ông K1 vay của bà L 400.000.000 đồng, lãi suất 5%/tháng; đã trả lãi từ ngày vay đến ngày 20/6/2022 là 17 tháng bằng 340.000.000 đồng (trả bằng tiền mặt không chứng từ 213.000.000 đồng, chuyển khoản 127.000.000 đồng). Hơn nữa, nếu không có thỏa thuận mức lãi suất thì ông K1 căn cứ vào đâu để thanh toán khoản tiền lãi cho bà L như ông K2 trình bày. Do đó, trình bày của ông K2 cho rằng ông K1 vay tiền của bà L không có thỏa thuận mức lãi suất là không có căn cứ. Tuy nhiên, mức lãi suất như bà L và ông K1, ông K2 trình bày không thống nhất nhau, nhưng đều cao hơn mức lãi suất theo pháp luật quy định. Xét về mức lãi suất bà L yêu cầu 20%/năm là phù hợp với quy định pháp luật, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc ông K1 trả số tiền vốn 400.000.000 đồng và số tiền lãi 66.000.000 đồng (đã đối trừ phần ông K1 đã thanh toán), tổng cộng vốn và lãi 466.000.000 đồng là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông K1 là không có cơ sở chấp nhận.

[2] Đối với kháng cáo của ông K1 và bà T cho rằng bà T không liên quan đến khoản nợ ông K1 vay của bà L, yêu cầu chỉ buộc ông K1 thanh toán toàn bộ số nợ cho bà L:

Bà L xác định số tiền 400.000.000 đồng ông K1 nhận của bà L là do vợ chồng ông K1 và bà T cùng đề nghị bà L cho ông K1 và bà T vay, nên bà L yêu cầu ông K1 và bà T liên đới thanh toán nợ cho bà L. Ông K1, bà T cũng như người đại diện của ông K1 và bà T cho rằng bà T không biết việc ông K1 vay tiền của bà L, đây là nợ riêng của ông K1 nên ông K1 có trách nhiệm trả nợ, bà T không có trách nhiệm liên đới trả nợ cùng với ông K1. Xét thấy: Tại Biên bản ghi lời khai ông K1 ngày 20/12/2022 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Cà Mau, ông K1 trình bày: Tiền vay của bà L, ông K1 dùng để trả nợ cho ông già vợ (tức là cha ruột của bà T); về vấn đề thanh toán nợ cho các chủ nợ, ông K1 trình bày sẽ bàn với gia đình và sẽ thanh toán trong thời gian sớm nhất. Hơn nữa, thời điểm phát sinh nợ của bà L, ông K1 và bà T vẫn còn là vợ chồng chung sống với nhau. Do đó, việc bà T cho rằng không biết việc ông K1 vay tiền của bà L là chưa có tính thuyết phục. Tại phiên toà sơ thẩm, đại diện của ông K1 và bà T cũng trình bày: Thời điểm sống chung ông K1 và bà T không có làm kinh tế riêng, chỉ có những khoản ông K1 làm riêng nhưng cũng đem về phục vụ cho gia đình. Do đó, số tiền ông K1 vay của bà L không được xem là dùng cho mục đích tiêu xài cá nhân của ông K1. Việc ông K1 và bà T từng khai khi ly hôn vào năm 2022 rằng vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, cùng với việc sau khi ly hôn bà T lập Vi bằng ngày 28/7/2022 có thể hiện nội dung ông K1 bà T thỏa thuận tài sản, thỏa thuận nợ là ảnh hưởng đến quyền lợi của các chủ nợ; việc ông K1, bà T đã ly hôn và việc bà T lập Vi bằng không được xem xét là căn cứ để loại trừ trách nhiệm liên đới của bà T đối với giao dịch hợp pháp của ông K1 trong thời kỳ hôn nhân của bà T và ông K1. Vì vậy, bà T phải chịu trách nhiệm liên đới đối với giao dịch hợp pháp do ông K1 thực hiện theo quy định pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà L, buộc bà T liên đới cùng ông K1 thanh toán nợ cho bà L là có căn cứ. Do đó, kháng cáo của ông K1 và bà T không có cơ sở chấp nhận.

[3] Từ phân tích trên, cấp phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T, giữ nguyên bản án sơ thẩm như đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau tham gia phiên toà là phù hợp.

[4] Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T mỗi người phải chịu 300.000 đồng, đã dự nộp được chuyển thu án phí.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị nên không đặt ra xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 225/2023/DS-ST ngày 14 tháng 9 năm 2023 của Toà án nhân dân thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Xuân L.

Buộc ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T liên đới thanh toán cho bà Phạm Xuân L số tiền 466.000.000 đồng (trong đó: nợ gốc 400.000.000 đồng, nợ lãi 66.000.000 đồng).

Kể từ ngày bà L có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng ông K1 và bà T còn phải chịu thêm khoản tiền lãi phát của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự .

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T phải chịu 22.640.000 đồng. Bà Phạm Xuân L không phải chịu án phí. Ngày 29/5/2023, bà L đã dự nộp 13.866.000 đồng theo biên lai thu số 0003470 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được nhận lại.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lê Quốc K1 và bà Mã Thị Bích T mỗi người phải chịu 300.000 đồng. Ngày 28/9/2023, ông K1 và bà T mỗi người đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0008306, 0008307 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau được đối trừ chuyển thu án phí.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Tòa án nhân dân thành phố Cà Mau;
- Chi cục THADS thành phố Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Lưu VT(TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thành Lập